

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26 -7- 2019

“V/v tranh chấp HNGĐ”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Toàn

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Ma Thị Ngọc Hà

2. Bà Nguyễn Thị Tình

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Viết Xuân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định mở lại phiên tòa và thay đổi Hội thẩm nhân dân tiến hành tố tụng số: 16/2019/QĐ-TA ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H- sinh năm 1976. Có mặt

+ *Bị đơn:* Anh Hà Xuân H - sinh năm 1971. Vắng mặt

Đều trú tại: Khu 4, phường T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội thị xã P - Do bà Tống Thị H. Chức vụ: Phó giám đốc được ủy quyền đại diện. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo tại Tòa án, chị H trình bày: Chị và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phú (nay là xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ)

ngày 09/11/1993. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại khu 3, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (nay thuộc khu 4, phường T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ). Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H không chịu lao động, thường xuyên đánh đập, chửi bới chị, vợ chồng đã ly thân, không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hà Thị Phương T - sinh ngày 30/9/1999 và cháu Hà Tiến Đ, sinh ngày 20/10/2012 hiện nay cháu T đã đi làm ăn, cháu Đ đang ở với chị. Khi ly hôn, cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Đ chị xin được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Vợ chồng còn nợ của Ngân hàng chính sách xã hội thị xã P 50.000.000 đồng tiền gốc và các khoản lãi phát sinh. Sau khi ly hôn chị sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ nợ cho Ngân hàng, không yêu cầu H thanh toán chênh lệch nợ cho chị.

- Về công sức: Không có.

\* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng anh H đều vắng mặt không rõ lý do nên không có bản tự khai của H và Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự với nhau được.

\* Tại bản tự khai tại tòa án: Bà Tổng Thị H – là người được Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã P ủy quyền trình bày: Ngày 29/9/2016 vợ chồng chị H và anh H có vay của Ngân hàng 50.000.000 đồng tiền gốc, lãi xuất 0,6875%/ 1 tháng theo chương trình thoát nghèo để chăn nuôi bò sinh sản. Vợ chồng chị H, H đã trả lãi đến hết ngày 18/3/2019. Hiện nay chị H, H còn nợ của Ngân hàng 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi tính từ ngày 19/3/2019 trở đi. Nay chị H, anh H ly hôn, Ngân hàng đề nghị chị H, H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan liên quan chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật

tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị H được ly hôn anh H.

- Về con chung: Xử giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Tiến Đ, sinh ngày 20/10/2012 cho đến khi trưởng thành lao động tự túc được, H không phải cấp dưỡng nuôi con với chị H.

- Về tài sản chung, công sức: Chị H trình bày không đề nghị giải quyết nhưng do H vắng mặt nên các quan hệ này cần tách ra, khi nào có yêu cầu thì giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

- Về công nợ: Khoản nợ của vợ chồng chị H với ngân hàng chính sách xã hội thị xã P, chị H xin tự nguyện trả nợ, không yêu cầu H phải thanh toán lại nên cần được chấp nhận.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị H và anh H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Các đương sự có nơi cư trú tại phường T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng H cố tình lẩn tránh, từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình và gây khó khăn cho chị H. Do đó, anh H không có bản tự khai và Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự với nhau được. Phiên tòa ngày 28/6/2019, bị đơn anh H đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định hoãn phiên tòa. Theo Quyết định về việc mở lại phiên tòa và thay đổi Hội thẩm nhân dân tiến hành tố tụng vụ án dân sự số 16/QĐ-TA ngày 08/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng H vẫn vắng mặt không lý do. Bà Tổng Thị H là người được ngân hàng ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh H và người có quyền lợi liên quan là bà Tổng Thị H người được ngân hàng ủy quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Đây là cuộc hôn nhân tự do tiến bộ và hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 05 năm, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống không hợp nhau nên xảy ra cãi nhau và xô sát với nhau. Vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh H. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị H, anh H đã ly thân, chấm dứt quan hệ, không quan tâm đến nhau. Qua biên bản xác minh và ý kiến của chính quyền địa phương cũng như Hội phụ nữ phường T nơi vợ chồng chị H, anh H chung sống thì mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, như vậy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H xin ly hôn anh H là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hà Thị Phương T - sinh ngày 30/9/1999 và cháu Hà Tiến Đ, sinh ngày 20/10/2012. Khi ly hôn, cháu T đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết, còn cháu Đ hiện nay đang sống với chị H. Do anh H vắng mặt tại Tòa án nên không có quan điểm về con chung. Hiện nay cháu Đ còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động theo nguyện vọng của chị H và cháu Đ là phù hợp. Việc chị H không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công sức: Chị H trình bày không đề nghị giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, anh H vắng mặt, không có bản tự khai nên các quan hệ trên không biết có hay không. Do đó, các quan hệ này được tách ra khi nào có yêu cầu thì giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về công nợ: Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị H trình bày vợ chồng nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã P 50.000.000 đồng tiền gốc. Quá trình giải quyết vụ án chị H đã tự nguyện xin trả nợ toàn bộ khoản tiền gốc và lãi cho ngân hàng, không yêu cầu anh H phải thanh toán chênh lệch nợ cho chị. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H nên cần được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Xử: Cho chị H được ly hôn anh H.

2/ *Về con chung*: Xử giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Tiến Đ - sinh ngày 20/10/2012 cho đến khi cháu Đ thành niên và có khả năng lao động tự túc được. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con với chị H. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3/ *Về tài sản chung, công sức*: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ *Về công nợ*: Chị H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội thị xã P 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh theo số vay vốn ngày 20/9/2016 của Ngân hàng. Anh H không phải thanh toán chênh lệch tiền nợ cho chị H.

5/ *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002271 ngày 03/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ. Chị H đã nộp đủ số tiền án phí.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Đường sự có mặt có quyền kháng cáo. Đường sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã, VKS tỉnh
- Đường sự;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND P.T;
- Lưu HS ;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Văn Toàn**

